

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2021/HC-PT

Ngày: 17 - 11 - 2021

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính, hành vi hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2021/TLPT-
HC ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành
vi hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 133/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01
năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2233/2021/QĐ - PT
ngày 14 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Ngô Hoàng T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: B, Phường x27, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy Ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2/Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: P, Phường X14, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân
quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ
Chí Minh:* Ông Hồ P1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ
Chí Minh (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy
ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận B1,*

Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn D1 – Nhân viên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận B1 (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T2, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: B, Phường X27, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện ông Ngô Hoàng T trình bày:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành 02 Quyết định bổ sung gồm: Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 về bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 của Ủy ban nhân dân quận B1 với tổng giá trị bồi thường hỗ trợ bổ sung là 7.810.020.814 đồng; nhưng không xem xét đề nghị tính lãi phát sinh mà ông đã nêu tại biên bản làm việc ngày 30/08/2018 khi được tiếp xúc để thông tin giá trị bồi thường tại phiếu chiết tính số 66TA/P.27 ngày 30/03/2018.

Sau khi nhận được số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung ông đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu, đơn khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân quận B1 xem xét việc tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung nhưng Ủy ban nhân dân quận B1 đã ra Công văn 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/08/2019 không xem xét tính lãi phát sinh theo Bản án phúc thẩm 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016.

Việc Ủy ban nhân dân quận B1 từ chối không xem xét yêu cầu tính lãi phát sinh là không đúng với các quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20/06/2017 vì:

Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 là xem xét Quyết định 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 có đúng pháp luật hay không; còn vụ việc tính lãi phát sinh của Quyết định bồi thường bổ sung số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 là xem xét bồi thường thiệt hại đã gây ra của Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 khi được ban hành trái pháp luật theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản quy định khác của thành phố về việc tính lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường. Nếu Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/05/2012 không trái pháp luật thì ông đã được nhận số tiền 7.810.020.814 đồng tại thời điểm năm 2012 chứ không phải là ngày ban hành hai Quyết định bổ sung năm 2017 và năm 2018.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B1 không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 cho gia đình ông là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận B1.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Bản án nêu trên là 7.810.020.844 đồng tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian để tính bồi thường lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2011 (là ngày phiếu chiết tính số 66/P.27 ngày 23/11/2011 được phê duyệt) đến ngày 19/04/2018 (là ngày nhận được tiền bồi thường bổ sung của Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018).

Theo nội dung Bản tự khai ngày 26/10/2020, Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Về nguồn gốc nhà, đất:

Theo Tờ tường trình và cam kết nguồn gốc nhà đất của ông Ngô Hoàng T, căn nhà số Y125, Đường số Z3, Phường X27, quận B1 do ông Ngô Viết T1 (cha của ông T) cất dựng không phép từ năm 1976 để bảo vệ cây trồng và vật nuôi. Năm 1989 ông Tư cho các con (Ngô Hoàng T, Ngô Hà Phương T2, Ngô Hà Thanh T3, Ngô Hoàng T4, Ngô Hoàng T5) sử dụng. Năm 1993 ông T tiếp tục cất dựng thêm diện tích nhà, xưởng để sản xuất.

Trong quá trình sử dụng, ông Ngô Viết T1 không thực hiện các quy định sử dụng đất như: kê khai nhà cửa năm 1977, đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg, nộp thuế nhà đất... nên không xác định được thời điểm sử dụng đất, vị trí, diện tích, loại đất.

Căn cứ Công văn số 10203/VPĐK-KT ngày 13/9/2013 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí đất tại căn nhà số Y125, Đường số Z3, Phường X27, quận B1 của ông Ngô Hoàng T thuộc một phần lô 309, Bản đồ T7 (tài liệu trước năm 1975) do Quốc Gia Việt Nam đứng bộ.

Căn cứ Sổ đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân Phường 27 lập ngày 12/01/1984 theo Chỉ thị 299/TTg ngày 11/10/1980 của Thủ tướng Chính phủ đã được Ủy ban nhân dân quận B1 duyệt y ngày 16/8/1984, Bản đồ Địa chính Chính quy Phường 27 và Bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thì căn nhà số Y125, Đường số Z3, Phường X27, quận B1 của ông Ngô Hoàng T có diện tích đất khuôn viên là 537m², trong đó:

- Một phần thuộc thửa số 16, tờ số 1, Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg do Ủy ban nhân dân Phường 27, quận B1 đăng ký quản lý loại đất chuyên dùng khác, diện tích 474,6m².

- Một phần đất lấn kênh T8 diện tích 62,4m² sử dụng sau ngày 22/4/2002.

Về bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Công văn số 1363/UBND-ĐTMT ngày 28/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải quyết vướng mắc trong dự án chống sạt lở kênh T8, đoạn 1.2 và 1.4 tại Phường 27, quận B1 căn cứ Khoản 1, Điều 16, Khoản 3 Điều 25 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

Căn cứ điểm b khoản 1 Phần I Công văn số 4815/UBND-ĐTMT ngày 27/9/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về giá đất nông nghiệp để tính bồi thường.

Ngày 02/5/2012 Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành Quyết định số 2774/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số Y125, Đường số Z3, Phường X27, quận B1 của ông Ngô Hoàng T, cụ thể:

- Phần diện tích đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân Phường 27 đăng ký loại đất chuyên dùng khác sử dụng xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993 được tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo hạn mức: 100m² x (30.855.232 đồng x 30%) = 925.656.960 đồng;

- Phần diện tích đất còn lại được tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp: 374,6m² x 342.000 đồng = 128.113.200 đồng.

- Phần diện tích 62,4m² đất lấn kênh T8 sử dụng sau ngày 22/4/2002 không được tính hỗ trợ nhà, đất.

Không đồng ý, ông Ngô Hoàng T khởi kiện vụ án hành chính sơ thẩm yêu cầu tính bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở phần diện tích hạn mức 160m², phần diện tích còn lại tính hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư.

Ngày 14/01/2016 Tòa án nhân dân quận B1 xét xử sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T. Không đồng ý, ông T gửi đơn kháng cáo.

Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Ngô Hoàng T: “Ủy ban nhân dân quận B1 có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông Ngô Hoàng T phần đất bị thu hồi có diện tích 474,6m² thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 3, Bản đồ Địa chính Chính quy Phường 27, quận B1 lập năm 2002 theo quy định của pháp luật.”.

Ủy ban nhân dân quận B1 ban hành Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 về bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012; ông Ngô Hoàng T đã nhận toàn bộ số tiền bồi thường bổ sung.

Về kiến nghị tính lãi suất phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố) không có quy định về việc tính lãi suất trên giá trị bồi thường bổ sung theo Bản án có hiệu lực pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận B1 nhận thấy nội dung nhận định tại Bản án phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 là quan điểm của Hội đồng xét xử không phù hợp với những tình tiết khách quan về nguồn gốc đất và quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên không phải là nguyên nhân do lỗi của cơ quan Nhà nước dẫn đến việc chậm chi trả cho người bị thu hồi đất.

Căn cứ Bản án có hiệu lực thi hành đã thể hiện rõ nội dung cụ thể phải thi hành án và quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không quy định tính lãi suất trên số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo Bản án có hiệu lực thi hành.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Ngô Hoàng T vì không có cơ sở giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T2 trình bày:

Bà thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 133/2021/HC-ST ngày 25 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 23, Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 8 Điều 29, Điều 50 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; mục 4.2, mục 4.3 Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố; Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T:

- Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B1 không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 cho ông Ngô Hoàng T là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B1.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 là 7.810.020.844 đồng cho gia đình ông Ngô Hoàng T theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/02/2021 người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Hồ sơ vụ án thể hiện rõ nguồn gốc nhà đất của ông T bị thu hồi do cha mẹ tặng cho năm 1989, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình bồi thường, đối chiếu với tài liệu thì trong diện tích đất bị thu hồi có phần đất Ủy ban nhân dân phường quản lý, có phần đất lấn rạch. Căn cứ quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân quận B1 ban hành Quyết định 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 bồi thường cho ông T. Ông T đã nhận tiền nhưng vẫn khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn ông T, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu ông T. Sau khi có bản án phúc thẩm năm 2016, Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành Quyết định bồi thường bổ sung năm 2018, ông T đã nhận số tiền này. Trong bản án phúc thẩm năm 2016 không yêu cầu tính lãi bồi thường bổ sung. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc Ủy ban nhân dân quận B1 chi trả bổ sung cho ông T, do lỗi của cơ quan Nhà nước là không đúng thực tế. Mặt khác, theo Quyết định 35/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường không có quy định về tính lãi suất đối với số tiền đã chi.

Người khởi kiện trình bày: Ủy ban nhân dân quận B1 ban hành Quyết định bồi thường năm 2012 đã bị Tòa án xác định là trái pháp luật. Sau đó Ủy ban nhân dân quận B1 ban hành Quyết định bổ sung, nhưng không hủy Quyết định 2774/QĐ-UBND. Nếu Ủy ban nhân dân quận B1 không ban hành Quyết

định 2774/QĐ-UBND trái pháp luật thì người khởi kiện đã nhận được toàn bộ số tiền từ năm 2012 chứ không phải đến năm 2018 mới nhận tiền. Do đó, ông T yêu cầu tính lãi số tiền bổ sung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Người bị kiện có kháng cáo, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngày 15/02/2011 Ủy ban nhân dân Quận B1 ban hành Quyết định số 1922/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại số 125 Đường số 3 (Hẻm 17 cũ) để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng thuộc dự án chống sạt lở bờ kênh T8 – Đoạn 1.4, Phường X27, quận B1. Ngày 02/5/2012 Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành Quyết định số 2774/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số Y125, Đường số Z3, Phường X27, quận B1 của ông Ngô Hoàng T. Không đồng ý với Quyết định bồi thường trên, ông T khởi kiện vụ án hành chính. Tại bản án hành chính phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc Ủy ban nhân dân quận B1 thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông T theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào bản án phúc thẩm trên, Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành các Quyết định 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Ông T cho rằng Ủy ban nhân dân quận B1 không xem xét tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung là gây ảnh

hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B1 không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 cho gia đình ông là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận B1.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Bản án nêu trên là 7.810.020.844 đồng tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian để tính bồi thường lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2011 (là ngày phiếu chiết tính số 66/P.27 ngày 23/11/2011 được phê duyệt) đến ngày 19/04/2018 (là ngày nhận được tiền bồi thường bổ sung của Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/03/2018).

Người bị kiện cho rằng các quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh không có quy định về tính lãi trên giá trị bồi thường. Việc chậm trả tiền bồi thường không phải do lỗi của Cơ quan Nhà nước, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B1:

[3.1] Quyết định 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 Ủy ban nhân dân quận B1 đã bồi thường đối với phần đất của ông Ngô Hoàng T như sau:

- Phần diện tích đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân Phường 27 đăng ký loại đất chuyên dùng khác sử dụng xây dựng nhà ở trước ngày 15/10/1993 được tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở theo hạn mức: $100\text{m}^2 \times (30.855.232 \text{ đồng} \times 30\%) = 925.656.960 \text{ đồng}$;

- Phần diện tích đất còn lại được tính hỗ trợ theo đất nông nghiệp: $374,6\text{m}^2 \times 342.000 \text{ đồng} = 128.113.200 \text{ đồng}$.

- Phần diện tích $62,4\text{m}^2$ đất lấn kênh T8 sử dụng sau ngày 22/4/2002 không được tính hỗ trợ nhà, đất.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc Ủy ban nhân dân quận B1 có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho gia đình ông T phần đất bị thu hồi có diện tích $474,6\text{m}^2$ thuộc thửa số 5, tờ bản đồ số 3, Bản đồ Địa chính Chính quy Phường 27, quận B1 lập năm 2002 theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân quận B1 đã ban hành các Quyết định bồi thường bổ sung gồm Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 về bổ sung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012.

[3.2] Căn cứ vào bản án hành chính phúc thẩm, Ủy ban nhân dân quận B1 đã chiết tính lại việc bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích nhà đất ông T bị thu hồi. Số tiền bồi thường, hỗ trợ theo đúng chính sách mà gia đình ông T được nhận (theo bản án phúc thẩm) có giá trị tăng so với số tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 2774/QĐ-UBND ngày 02/5/2012. Do cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện không đúng quy định dẫn đến việc khiếu nại, khởi kiện của người dân. Quá trình giải quyết cho đến khi có bản án phúc thẩm, Ủy ban nhân dân quận B1 mới thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Ông T nhận tiền vào năm 2018. Như vậy, nguyên nhân kéo dài thời gian, dẫn đến việc chậm chi trả tiền bồi thường cho người dân là lỗi của cơ quan có thẩm quyền.

Mặt khác, căn cứ Mục 4.2 Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố về việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc tính hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả của một số dự án đang triển khai trên địa bàn huyện B2; Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố về việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến việc tính hỗ trợ lãi suất ngân hàng và tiền chậm chi trả của một số dự án đang triển khai trên địa bàn huyện B2 thì gia đình ông Ngô Hoàng T thuộc trường hợp được hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng đối với các Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B1 ban hành Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019 trả lời đơn, có nội dung không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường của ông T là không đúng quy định pháp luật.

[3.3] Do xác định hành vi không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 của Ủy ban nhân dân quận B1 là không đúng quy định của pháp luật, nên Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung 7.810.020.844 đồng tại 02 Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 cho gia đình ông Ngô Hoàng T theo đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu về thời gian để hỗ trợ lãi suất, tiền chậm chi trả của ông Ngô Hoàng T: Ông T yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo đúng quy định pháp luật, mà thời gian để hỗ trợ lãi suất, tiền chậm chi trả nằm trong phạm vi tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung nên được tính theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

[3.4] Ủy ban nhân dân quận B1 kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T là không phù hợp thực tế khách quan. Vì trong các quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất không có quy định về tính lãi suất và bản án hành chính phúc thẩm cũng không có nội dung yêu cầu tính lãi suất trên số tiền bổ sung. Xét thấy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013: *“Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất*

thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả". Bản án hành chính phúc thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân quận B1 tính bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo quy định pháp luật. Nhà đất của ông T có Quyết định thu hồi từ năm 2011, đến năm 2018 mới nhận tiền bồi thường. Cơ quan có thẩm quyền đã áp giá chiết tính bồi thường, hỗ trợ không đúng dẫn đến việc kéo dài thời gian chậm chi trả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường là có căn cứ, kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B1 có kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân quận B1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015,

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B1; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 133/2021/HC-ST ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Khoản 1 Điều 23, Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 8 Điều 29, Điều 50 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; mục 4.2, mục 4.3 Công văn số 554/HĐTĐBT ngày 26/9/2018 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 119/HĐTĐBT ngày 18/3/2019 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T:

- Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận B1 không tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung theo Quyết định tại Bản án số 1343/2016/HC-PT ngày 19/12/2016 cho ông Ngô Hoàng T là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 3000/UBND-BTGPMB ngày 08/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B1.

- Buộc Ủy ban nhân dân quận B1 phải tính lãi phát sinh trên số tiền bồi thường bổ sung tại hai Quyết định số 9318/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 và Quyết định số 2071/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 là 7.810.020.844 đồng cho gia đình ông Ngô Hoàng T theo đúng quy định pháp luật.

2. Các phần Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Ủy ban nhân dân quận B1 phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0093752 ngày 10/3/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười